

Số: 254/2024/QĐST-VHNGĐ

Hà Nội, ngày 05 tháng 09 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân và gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: **Bà Nguyễn Bích Hạnh.**

Thư ký phiên họp: Bà Phạm Thị Trang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên họp:

Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 09 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 227/2024/TLST-VHNGĐ ngày 14/08/2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”. Theo Quyết định mở phiên họp giải quyết việc hôn nhân gia đình số 241/QĐST-VHNGĐ ngày 19/08/2024 gồm:

*** Những người yêu cầu sau đây:**

- Anh N V T, sinh ngày 29/11/1980.

Căn cước công dân số ***** do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/4/2021; Nơi thường trú và nơi ở hiện tại: Thôn T Y, xã P Y, huyện P X, thành phố Hà Nội. *Anh T có mặt.*

Chị B T H, sinh ngày 04/02/1983.

Hộ chiếu số Q***** do Đại sứ quán Việt Nam tại CHLB Đức cấp ngày 01/07/2024; Nơi thường trú: Thôn T Y, xã P Y, huyện P X, TP. Hà Nội; Nơi ở hiện tại: Z G K 2, K, B, CHLB Đức.

Chị B H T ủy quyền cho anh L V Đ (sinh năm 1997; Địa chỉ: 72 H S, phường N Đ, C G, Hà Nội) giao, nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Chị H có đơn xin vắng mặt, anh Đ có mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai của anh N V T và chị B H T cùng trình bày:

- **Về tình cảm:** Anh N V T và chị B T H đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện tại Ủy ban nhân dân xã P Y, huyện P X, tỉnh H T (nay là thành phố Hà Nội) vào ngày 03 tháng 05 năm 2004. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau. Mặt khác, do khoảng cách địa lý xa nhau (tháng 01/2020 chị H sang Cộng Hòa Liên Bang Đức để làm việc) khiến cho cả hai không còn quan tâm và chia sẻ với nhau. Nay anh chị nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Anh T và chị H cùng thống nhất, thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội theo nơi thường trú của anh chị để giải quyết thủ tục ly hôn.

- **Về con chung:** Anh N V T và chị B T H có 02 con chung là cháu N H Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 14/02/2005 và cháu N T H Y (giới tính: Nữ), sinh ngày 07/4/2011. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y. Anh chị tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Cháu Đ đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- **Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung:** Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về lệ phí giải quyết ly hôn:** Anh T tự nguyện chịu toàn bộ.

Do điều kiện không thể về Việt Nam giải quyết được, chị H đã có Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho anh L V Đ giao nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án.

Tại phiên họp: Anh N V T có mặt và giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn của anh chị; Chị B T H có đơn xin giải quyết vắng mặt; Anh L V Đ đồng ý nhận sự ủy quyền của chị H là giao nộp và nhận các văn bản tố tụng của Tòa án. Anh Đ cam kết thông báo và gửi để chị H được biết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu:

Về tố tụng, việc Hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận, phù hợp với quy định của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh N V T và chị B T H có đề nghị công nhận thuận tình ly hôn. Chị B H T hiện đang sinh sống và làm việc tại Cộng Hòa Liên Bang Đức nên theo quy định tại Điều 29 và Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa anh N V T và chị B T H do cả hai cùng tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P Y, huyện P, tỉnh H T (nay là thành phố Hà Nội) vào ngày 03 tháng 05 năm 2004. Cuộc sống chung vợ chồng sau hôn nhân đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện cả hai vợ chồng cùng xác định không còn tình cảm với nhau nữa nên cùng thống nhất thuận tình ly hôn. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn của vợ chồng anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về con chung: Anh N V T và chị B T H xác nhận có 02 con chung là cháu N H Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 14/02/2005 và cháu N T H Y (giới tính: Nữ), sinh ngày 07/4/2011. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y. Anh chị tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Tòa án không xem xét. Cháu N H Đ đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Sự thỏa thuận của đương sự là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp nên ghi nhận.

Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình: Anh N V T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 29; Điểm b khoản 1 Điều 37; Khoản 2 Điều 67; Điều 143, 146, 149, 367, 369, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, quyết định:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh N V T và chị B T H.

2. Về con chung: Anh N V T và chị B T H xác nhận có 02 con chung là cháu N

H Đ (giới tính: Nam), sinh ngày 14/02/2005 và cháu N T H Y (giới tính: Nữ), sinh ngày 07/4/2011. Ly hôn, ghi nhận sự thỏa thuận của anh T và chị H như sau: Giao cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N T H Y cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có quyết định khác của Nhà nước có thẩm quyền thay thế. Anh T và chị H tự thỏa thuận cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Cháu N H Đ đã trưởng thành nên anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Chị B T H có quyền đi lại, thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nhà ở chung và công nợ chung: Anh N V T và chị B T H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. Về lệ phí: Ghi nhận sự tự nguyện của anh N V T chịu cả 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0023835 ngày 14/08/2024 tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội. Anh T đã nộp đủ lệ phí ly hôn sơ thẩm.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 05/09/2024.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- VKSND Thành phố Hà Nội;
- Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- Ủy ban nhân dân xã xã P Y, huyện P X, thành phố Hà Nội;
- Lưu VP; Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Bích Hạnh